

## QUYỀN 79

Hỏi: Ngoài tâm không pháp, ngoài pháp không tâm, biết rõ như thế là bậc thiện tri thức chân thật, diệu lý nhất tâm viên chứng vô ngại, tại sao lại nghe thiện ác tri thức bên ngoài mà tin nhận ?

Đáp: Nhân duyên tăng thượng hòa hợp hư vọng phân biệt mà thành kia đây, vì tình sinh nên không có chân thật.

*Thức luận* hỏi: Tại sao gặp thiện tri thức nghe nói thiện pháp, gặp ác tri thức nghe nói ác pháp; nếu không có tất cả ngoại cảnh bên ngoài thì họ làm sao nói; nếu chẳng nói thì làm sao được nghe; nếu chẳng nghe thì làm sao thành ?

Kệ đáp:

*Chung nhau nhân tăng thượng*

*Kia đây tâm duyên hợp.*

Vì tất cả chúng sinh hư vọng phân biệt tu duy, ức niệm, người nói ta nghe mà thật không có cảnh giới ấy, thế nên nếu chấp trong ngoài thì tâm cảnh đối trị nên còn chưa có lòng tin làm sao gọi là nghe pháp!

*Kinh Trì Tâm Phạm Thiên Sở Vấn* nói: “Mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, ý không chỗ nghe gọi là nghe kinh. Nếu có nhiễm ô sáu căn thì không chỗ nghe bèn ở nơi sắc”.

*Kinh Kim Cang Tràng Đà-la-ni* nói: “Không có các pháp gọi là pháp môn nhất tự đà-la-ni”. Nếu có thể tin hiểu như thế thì người nghe không nghe không được, tâm cảnh không hai mới nghe được kinh Phật thuyết, đây gọi là nghe chân thật, gặp thiện tri thức. Nếu dùng duyên tâm nghe pháp, pháp này cũng duyên, chẳng được pháp tính thì tùy cảnh giới và nhân duyên mà lưu chuyển, đều là chẳng rõ tự tính bèn khiến phân ra duyên trong ngoài. Như kinh nói: “Tùy theo chỗ có kinh này là có Phật, như ta trụ thế không khác”. Cho nên biết Phật tự tâm không nơi nào chẳng khắp, đâu luận trước sau ẩn hiện! Nếu theo cảnh khác nhau thì sinh diệt vô thường, thấy Phật khác thì ẩn hiện không thường hằng, tụng kinh khác thì âm thanh gián đoạn, cho nên Tổ sư nói: “Ngoài cầu có

tướng thì Phật với ông khác biệt”. Ngài Chí Công nói: “Mỗi ngày tụng nghìn quyển kinh mà trên giấy thấy kinh chẳng biết”.

Tiên đức nói: “Thở ra chẳng nương ngoại duyên, thở vào chẳng nương âm giới mà trụ”. Thường chuyển kinh như thế cho dù trăm nghìn vạn quyển, đâu bằng ngộ được niệm niệm hiện tiền là thiện tri thức chân chính, tự chuyển kinh vô tận tạng luôn luôn diễn nói.

Hỏi: Nếu tâm rộng cảnh lặng, lý thật không sai; hiện đối căn trần, sự tướng trái nhau làm thế nào thấu suốt cảnh trí nhất như ?

Đáp: Một thời căn cảnh tục có chân không, rốt ráo mình người đều không thật có. Còn nếu chấp chân có tục không thì thành tăng giảm, chỉ cần hai đế cùng hội, thấu rõ nhất tâm. Như *luận Phật tính* đặt câu hỏi: “Nếu các pháp không có thật tính liền cùng chứng lượng trái nhau thì năng sở bất khả đắc. Hiện tại tôi thấy âm thanh và tai đối nhau, vì thế được nghe cho nên biết là chẳng không”.

Giải thích: Nghĩa này chẳng đúng, vì sao ? Vì tự tính của năng sở và chứng lượng đều bất khả đắc, tự tính chẳng thành. Nếu một tính chẳng thành thì nhiều tính làm sao thành ? Lại ông nói chứng lượng làm sao thành. Nay tôi lập chứng lượng hiển bày nhị không, các pháp không nên tự tính bất khả đắc. Như thấy việc huyễn, vật huyễn, những gì chứng lượng thấy chẳng bằng thật có. Các pháp cũng thế, chẳng như chỗ thấy mà có chỗ thấy. Do thể chẳng thật nên chẳng có; do chứng lượng nên chẳng không. Do thể vô nên nghĩa không được thành; do chứng lượng nên giả có chẳng mất. Lại nói: Y tha tính tướng thì năng chấp sở chấp tăng ích hoặc tổn giảm. Do vì hiểu rõ tính này nên chấp trước chẳng sinh. Nếu thấy chân là có thì tăng ích, gọi là thường kiến. Nếu thấy tục là không thì tổn giảm, gọi là đoạn kiến. Chỉ có thức tự trần nên riêng không năng sở, không năng sở nên không có cái chấp tăng ích; do có thức tự trần nên không có cái chấp tổn giảm. Nếu biết ngoại trần là thức mà dường như hiển hiện thì chẳng phải không; rõ ngoại tướng vốn rộng không, như huyễn tạo tác thì chẳng phải có. Chẳng phải không thì

chẳng hoại tục đế; chẳng phải có thì chẳng ẩn chân đế, thế nên chân tục dung tức mà thức thường khác, không hữu cùng hiện mà luôn đồng, mới vượt lên tình chấp hý luận, thế hội ý chỉ nhất tâm.

*Kinh Ma-ha Bát-nhã* ghi: “Lúc nói Bát-nhã ba-la-mật này, đức Phật ở trong bốn chúng, trời, người, rồng, quỷ thần, Khẩn-na-la, Ma-hầu-la-già v.v... hiện thần túc biến hóa, tất cả đại chúng đều thấy đức Phật A-súc, tỳ-kheo tăng vây quanh nói pháp, cho đến khi ấy đức Phật nhiếp thần túc, tất cả đại chúng chẳng còn thấy Phật A-súc, Thanh văn, Đại Bồ-tát và quốc độ của họ. Vì sao ? Vì đức Phật thu nhiếp thần túc.

Bấy giờ, Phật bảo A-nan: Đúng thế A-nan, tất cả pháp chẳng đối trước mắt thì pháp pháp chẳng thấy nhau, pháp pháp chẳng biết nhau. Đúng thế A-nan, như Phật A-súc, đệ tử, Bồ-tát, quốc độ chẳng đối trước mắt. Đúng vậy A-nan, tất cả pháp chẳng đối trước mắt thì pháp pháp chẳng biết nhau, pháp pháp chẳng thấy nhau. Vì sao ? Tất cả pháp không biết, không thấy, không tạo tác, không lay động, chẳng thể nắm bắt, chẳng thể nghĩ bàn; như người huyễn không thọ nhận, không cảm giác, không chân thật. Đại Bồ-tát thực hành như thế là thực hành Bát-nhã ba-la-mật.

Giải thích: Nếu thực hành Bát-nhã là thấu rõ nhất tâm trí tính, rõ sắc vô hình chẳng phải cảnh giới của mắt, cho đến thông đạt pháp thể vắng lặng, chẳng phải chỗ biết của ý, chỉ là theo tâm tạm hiện rồi trở lại theo tâm diệt, cho nên nói tất cả pháp không biết không thấy. *Luận Đại Trí Độ* nói: “Tướng chẳng thể biết vô tướng, ví như dao tuy sắc bén nhưng không thể chặt hư không. Vô tướng chẳng thể biết tướng, có người nói trí bên trong không có tướng cố định, pháp sở duyên bên ngoài có tướng cố định, tâm theo duyên sinh, thế nên nói vô tướng không thể biết tướng, ví như không dao tuy có vật mà chẳng thể chặt, đây là biết nếu tâm có cảnh không cũng chẳng thể thấy; nếu tâm không cảnh có cũng chẳng thể thấy; nếu tâm cảnh đều có, đều không tự tính, đều đã chẳng biết thì hợp lại làm sao thấy; nếu tâm cảnh đều không cũng chẳng biết, có còn

chẳng biết thì không làm sao thấy, vậy thì tâm cảnh đều rỗng không, vạn hữu cùng lặng lẽ. Như vậy không có một pháp thâm hợp thuận nhau thì làm gì có căn cảnh đối đãi trái nhau ? Như tất cả cảnh sai biệt trái nghịch, đều là nhất tâm không có chướng ngại cũng không có giải thoát, như nước chẳng tẩy nước, lửa chẳng diệt lửa. Vì sao ? Vì là một thể nên chẳng hủy diệt nhau. Nếu có pháp khác nhau mới thành đối trị, như hiện lại chỉ cần được ý chỉ bèn tự hợp chân như. Cho nên kinh nói: “Pháp tùy theo chân như, vì không có sở tùy”. Nếu có sở tùy thì có năng tùy. Đã không có sở tùy cũng không có năng tùy, cho nên ngoài pháp không như, ngoài như không pháp. Do đó, kinh nói: “Tác ý đúng như lý, đối với tất cả pháp bình đẳng tương ứng thì đầy đủ tất cả Phật pháp”.

*Hoa Nghiêm Sớ* ghi: “Bởi chân như là Phật thì không cảnh nào chẳng phải chân như”. *Kinh Đại Phẩm đáp Thường Đề*: “Các pháp như chính là Phật”. *Kinh Kim Cang* nói: “Như Lai là nghĩa như của các pháp”. Đã cho như là Phật thì tất cả pháp đều như, pháp nào chẳng phải Phật ? Nếu tin nhất như, đây là khai ngộ bản pháp, sinh ra sự hiểu biết quyết định vào môn tự tại.

*Luận Hoa Nghiêm* ghi: “Kinh nói: Nay thiện nam, ta được năng lực hiểu biết quyết định tự tại, tín nhãn thanh tịnh, trí quang chiếu rạng thấy khắp cảnh giới, là tất cả chướng, khéo léo quán sát phổ nhãn sáng suốt, đủ các hạnh thanh tịnh, đạo khắp tất cả cõi Phật mười phương, cung kính cúng dường tất cả chư Phật. Đây là nói về quả pháp căn bản khiến cho phàm phu tin ưa tu hành; từ sơ phát tâm tu hành cho đến hết địa vị Thập Địa đều phải y theo quả pháp căn bản này, rồi trở lại trong pháp giới thành tựu thời gian chẳng thay đổi, trí tuệ chẳng khác, từ bi chẳng khác, hạnh nguyện chẳng khác, vì tu hành trong pháp giới đại trí không dài ngắn; chẳng bằng người có tình giải tu hành không nghĩ đến tu học thời gian dài ngắn, cần phải khéo quán thể dụng pháp giới, chẳng bằng thể tình chấp một sát-na, chấp ba a-tăng-kỳ, vì trong pháp giới không có dài, ngắn, xa, gần. Đem giải hạnh đúng như pháp này tu hành, nơi

các cảnh giới chiếu soi sinh diệt khiến cho sự chấp trước hết sạch thành tựu đại dụng của trí. Nơi tâm cảnh của mình chớ nắm giữ quá độ, chỉ biết thuận nhiên theo tính, tu tập quán chiếu, tình chấp hết trí hiện, sinh diệt tự bật, nghiệp cấu tự sạch; lĩnh hội cảnh giới Phật, đồng với tâm Như Lai, Phật kiến tự lĩnh hội chẳng phải do nắm bắt, tạo sự đối trị riêng biệt khiến tâm cuồng mê, chỉ tự sáng tỏ tâm cảnh, kiến chấp tan nghiệp liền hết, kiến mất chấp hết, tất cả vạn pháp vốn tự không thương tích, trí cảnh sáng rực gọi là cõi Phật. Chẳng nhọc gượng sinh kiến chấp mãi tự trầm luân, tự làm tự chịu tai họa chẳng phải người khác gây ra.

Hỏi: Nếu y cứ vào sự thấy nghe ngoại cảnh thì sắc chẳng đến mắt, mắt chẳng đến sắc, có thể nói là duy tâm vô tướng để được; như khi ăn uống, căn cảnh đến với nhau, nếu nói vô tướng thì không thể đem tâm để ăn tâm ?

Đáp: Sáu căn sáu cảnh tuy ly hợp chẳng đồng nhưng đều do duy thức biến, vị tính vốn không, nếu chẳng phải là thức thì ai biết mặn nhạt! Người xưa nói: “Chỉ ăn tướng phần bản chất tự tại”.

Hỏi: Như ăn xong thức ăn cũng mất thì thế nào ?

Đáp: Năng tùy đã mất thì sở tùy cũng diệt; cũng như hai mươi người cùng tạo dựng một cội cây, một người phá hoại thì mười chín người kia cũng diệt. *Duy Thức Nghĩa Cảnh Thích* nói: “Cộng quả đồng ở một chỗ chẳng chướng ngại nhau”.

Hỏi: Như một cội cây do nhiều hữu tình cùng biến ra, lúc một hữu tình chặt đốn là do công năng chính mình hay là gồm cả công năng của người ? Nếu chỉ tự mình biến thì lẽ ra tồn tại chẳng mất, sao chẳng thấy cây; nếu cũng do người khác thì sao gọi là duy thức ?

Đáp: Cây cối đã là chủng tử của cộng tướng sinh, đều tùy thuận nhau, tăng ích nhau. Một hữu tình tự sở biến là tác dụng của thân sở duyên; tha sở duyên và tự sở duyên làm tăng thượng duyên là tác dụng của sở sở duyên, tất cả hướng về nhau; tự là sở thuận, tha

là năng thuận. Do sở thuận không nên năng thuận cũng diệt; do cây này tan hoại nên duy thức mới thành.

Hỏi: Làm sao biết được tăng ích lẫn nhau ?

Đáp: *Luận Đối Pháp* nói: “Cộng nghiệp của hữu tình làm tăng thượng duyên”.

Hỏi: Đã chỉ có duy tâm không có muôn pháp, những việc sai biệt trước mắt từ đâu kiến lập ?

Đáp: Muôn pháp chỉ là danh không có thể tướng, nhân danh lập tướng, tướng trạng vốn không nhân tướng bày danh, danh tự vốn lặng, chỉ do tướng kiến lập, danh tướng đều rỗng không. Xét tận cùng cội nguồn của tướng cũng chỉ là danh tự. Đã không có tự thể của tướng thì không có phân biệt, cho nên biết vạn pháp xuất từ vô danh, vạn danh sinh từ vô tướng, danh chẳng xứng tướng, tướng chẳng xứng danh, kia đây không nương tựa, vạn pháp ở nơi nào ? Danh đối đãi đã dứt, tướng phân biệt rỗng không, cảnh như huyễn thành chân, tình chấp trước hợp giác.

*Kinh Mật Nghiêm* có bài tụng:

*Các pháp ở thế gian  
Tất cả chỉ có danh  
Chỉ do tướng an lập  
Lìa danh không nghĩa khác.*

Lại tụng:

*Hay biết các thức khởi  
Không có pháp sở tri  
Sở tri chỉ là danh  
Thế pháp đều như thế.  
Dùng danh phân biệt pháp  
Pháp chẳng xứng với danh  
Các pháp tính như thế  
Chẳng trụ nơi phân biệt  
Vì pháp chỉ là danh  
Tướng thì không có thể*

*Tưởng không, danh cũng không  
Nơi nào có phân biệt  
Nếu được vô phân biệt  
Thân tâm luôn tịch tĩnh  
Như cây bị lửa thiêu  
Rốt cuộc chẳng mọc lại.*

Lại tụng:

*Thấy cây trụi là người  
Thấy người là cây trụi  
Phân biệt người và cây  
Chỉ có nơi danh tự  
Trong các đại hòa hợp  
Phân biệt cho là sắc  
Nếu xa lìa các đại  
Sắc tính hẳn không có.*

Hỏi: Nếu lấy duy thức làm tông thì thế và xuất thế gian chỉ là một thức, muôn pháp đều quyết định không chằng ?

Đáp: Do duy thức nên có thế tục đế, đã có thế tục thì có dường như trần thức, tướng huyễn chẳng phải không, vì không thật có nên gọi là không, chẳng thể khởi cái thấy đoạn không. Như *kinh Mật Nghiêm* có bài kệ:

*Các cảnh giới như bình ...  
Đều lấy tâm làm thế  
Chẳng bình tợ bình hiện  
Thế nên gọi là không  
Các sắc ở thế gian  
Cả cung điện chư thiên  
Đều là thức lại-da  
Biến đổi mà thấy được  
Chỉ có thân chúng sinh  
Từ đầu đến tay chân  
Sinh ngay và lặn lướt*

*Đều do a-lại-da  
Tập khí ô trước tâm  
Phàm ngu chẳng thể hiểu  
Tính này chẳng phải có,  
Cũng chẳng phải là không  
Như người dùng các vật  
Đập phá vỡ chiếc bình  
Thế của vật nếu không  
Không năng phá sở pháp  
Ví như Tu-di lượng  
Ngã kiến chưa là ác  
Kiêu mạn mà chấp không  
Ác này hơn cả kia.*

Kinh nói: “Thà chấp có như Tu-di, chẳng nên chấp không như hạt cải”. Kinh Đại Bát Niết-bàn nói: “Giải thoát gọi là bất không không; không không gọi là vô sở hữu; vô sở hữu là giải thoát mà ngoại đạo Ni-kiền-tử chấp, nhưng Ni-kiền-tử thật sự không giải thoát nên gọi là không không. Chân giải thoát thì chẳng phải như thế, nên gọi là bất không không. Bất không không là chân giải thoát, chân giải thoát chính là Như Lai.

Lại giải thoát gọi là bất không, như bình đựng nước, rượu, lạc, tô, mật; tuy lúc không có nước, rượu, lạc, tô, mật nhưng vẫn được gọi là bình nước, rượu v.v..., như vậy bình nước v.v... chẳng có thể nói không và bất không; nếu nói không thì chẳng được có sắc, hương, vị, xúc; nếu nói bất không nhưng lại không có nước, rượu v.v... thật. Giải thoát cũng thế, chẳng thể nói sắc và phi sắc, chẳng thể nói không và bất không; nếu nói không thì chẳng được có thường, lạc, ngã, tịnh; nếu nói bất không thì ai lãnh thọ thường, lạc, ngã, tịnh này; do nghĩa này nên chẳng thể nói không và bất không.

Không, nghĩa là không có hai mươi lăm hữu và các phiền não, tất cả khổ, tất cả tướng, tất cả hạnh hữu vi, như chiếc bình không có lạc, tô thì gọi là không.

Bất không, nghĩa là chân thật, thiện sắc thường, lạc, ngã, tịnh bất động, bất biến, như sắc, hương, vị, xúc của chiếc bình, nên gọi là bất không. Cho nên giải thoát dụ như chiếc bình; chiếc bình gặp duyên thì có phá hoại; giải thoát không như thế, không thể phá hoại. Không thể phá hoại là chân giải thoát. Chân giải thoát chính là Như Lai.

Hỏi: Kinh nói: “Năm âm là thế gian”, một âm gọi là sắc, bốn âm gọi là tâm, tại sao nói các thứ thế gian trong ngoài đều từ tâm lưu xuất ?

Đáp: Năm âm đều từ tâm khởi, từ tâm hiện tượng gọi là sắc. Kinh có bài kệ:

*Trong tất cả thế gian  
Chỉ có danh và sắc  
Muốn quán sát như thật  
Chỉ nên quán danh sắc.*

Sắc gồm cả quốc độ vô tình, danh gồm hết thế gian hữu thức. Vì năm âm là thế gian, nếu rõ năm âm rỗng không là xuất thế gian, đây là biết thế gian, xuất thế gian đều từ tâm khởi. Vì sao ? Nếu ý địa khởi tâm tham, sân liền thấy năm âm nơi ba đường, chúng sanh tội khổ xuất hiện; ý địa tu tâm giới thiện liền thấy năm âm trời người, chúng sanh thọ lạc xuất hiện; ý địa chứng tâm nhân không liền thấy năm âm vô lậu, chúng sanh chân Thánh xuất hiện; ý địa lập tâm thế nguyện rộng lớn sẽ thấy năm âm từ bi, chúng sanh đại sĩ xuất hiện; ý địa vận dụng tâm bình đẳng sẽ thấy năm âm thường trụ, chúng sanh cực tôn quý xuất hiện. Nay sở dĩ đặt bốn âm trước chỉ cần quán thức âm, như chặt cây phải trừ rễ, trị bệnh phải đúng huyết thì mầm khổ sinh tử dứt hẳn, phiền não trầm kha chẳng sinh. Lại như gió mạnh cuốn sạch hoài nghi, như lửa dữ đốt tan dị chấp. Do đó, tất cả nơi phàm Thánh đồng cư ở thế gian đều là tự tâm, ngộ nhập nơi đây gọi là trụ a-lan-nhã chân chính tu hành, chẳng luận đại ẩn tiêu ẩn, chẳng kẹt nơi cảnh ồn náo hoặc yên tĩnh. Do đó, cô đức nói: “Ở trong chúng chẳng thấy ồn ào, ở một mình cũng không

vắng vẻ”. Vì sao chẳng thấy ồn náo hay vắng vẻ ? Vì chỉ thấu rõ nhất tâm.

*Kinh Đại Thừa Bản Sinh Tâm Địa Quán* ghi: “Bấy giờ, Đức Phật bảo Bồ-tát Di-lặc: Này thiện nam, người còn phải tu học chỉ có một đức, đó là trụ nơi a-lan-nhã cầu đạo vô thượng. Thế nào là một ? Nghĩa là quán cội nguồn của tất cả phiền não chính là tự tâm; liễu đạt pháp này mới có thể trụ nơi a-lan-nhã. Vì sao ? Ví như chó điên bị người trượt đánh, nó chỉ đuổi theo hòn đá, chẳng rượt đuổi người; trong đời vị lai người mới phát tâm trụ a-lan-nhã cũng như thế. Nếu thấy sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp sinh tâm đắm nhiễm, người này chẳng biết cội rễ phiền não, chẳng biết năm cảnh từ tự tâm sinh, đây gọi là người chưa khéo trụ nơi a-lan-nhã, do nhân duyên ấy thích trụ nơi tịch tĩnh cầu đạo vô thượng. Lúc cảnh ngũ dục hiển tiền, tất cả đại Bồ-tát quán sát tự tâm nên nghĩ rằng: Tôi từ vô thủy đến nay luân hồi trong sáu đường không có lúc ra khỏi, đều từ vọng tâm mà sinh mê muội điên đảo; đối với cảnh ngũ dục tham ái đắm nhiễm, Bồ-tát như thế được gọi là có thể trụ nơi a-lan-nhã, là biết chẳng ngộ tự tâm ẩn nấu hang hầm, tránh ồn náo, cầu yên tĩnh”.

Cổ nhân nói: “Cả thế gian chưa có phương cách này, nếu đốn liễu tự tâm, đó là chân a-lan-nhã, cho đến quang minh chiếu khắp, muôn đức tròn đầy. Nếu chẳng tự sáng tỏ thì luân hồi các nẻo; nếu đốn chứng thì pháp thân của Tỳ-lô-giá-na thường trụ bất động”.

*Du-già Nghi Quỷ* giải thích: Về quán pháp thân Như Lai, trước tiên phát khởi hạnh nguyện vi diệu của Bồ-tát Phổ Hiền; lại phải dùng tam mật gia trì thân tâm thì có thể vào biển đại trí tuệ của Văn-thù-sư-lợi. Nhưng ban đầu của sự tu hành hành giả phải ở nơi vắng vẻ nhất niệm an tâm, nhắm mắt, thẳng người, ngồi kiết già vận dụng tâm duyên khắp vô biên cõi nước, quán sát kỹ tất cả Như Lai ba đời ở trước mỗi vị Phật, Bồ-tát, ân cần cung kính, lễ bái đi nhiều quanh. Lại đem vô lượng thức cúng dường hiến dâng tất cả Thánh chúng. Cúng dường rộng lớn xong, lại nên quán tự tâm, tâm vốn

chẳng sinh, tự tính thành tự, quang minh chiếu khắp như hư không. Lại phải khởi lòng từ bi thương xót chúng sinh chẳng ngộ tự tâm luân hồi các nẻo, ta sẽ giáo hóa cứu vớt khiến họ khai ngộ không sót một ai. Lại nên quán sát tâm mình, tâm chúng sinh và tâm chư Phật vốn không khác, một tướng bình đẳng thành tâm đại bồ-đề, sáng suốt thanh tịnh, rỗng rang cùng khắp, tròn sáng trong veo thành vàng trắng lớn, lượng đồng hư không, không bờ mé. Vì thế biết tâm không ngăn mé nên như hư không, đâu còn trước sau. Như kinh Hoa Nghiêm có bài tụng:

*Tâm trụ nơi thế gian  
Thế gian trụ nơi tâm  
Nơi đây chẳng vọng khởi  
Phân biệt hai, chẳng hai.*

Thế nên nói một nói hai là ngôn ngữ của thế gian, lập thị lập phi là thuộc về ý địa phân biệt. Nếu đốn ngộ tự tâm, trực nhập Tông Cảnh, còn chẳng thấy vô phân biệt làm sao riêng sinh phân biệt. Như kinh có bài tụng:

*Biết rõ chẳng một, hai  
Chẳng nhiễm cũng chẳng tịnh  
Cũng lại không tạp loạn  
Đều từ tự tâm khởi.*

Không chỉ thế pháp bày ra mà cho đến tác dụng của chư Thánh phát khởi tận căn do đều chẳng ra ngoài Tông Cảnh. Cho nên kinh có bài kệ:

*Vô biên cõi nước diệu trang nghiêm  
Thấy đều vào trong một hạt bụi  
Sức thần thông chư Phật như thế  
Tất cả đều do nghiệp tính khởi.*

Ý chỉ nhiệm màu này là pháp môn hiện chứng, chỉ mới khởi niềm tin là có thể rỗng lòng hướng chi lúc chứng nhập tự dứt dư hoặc, lời nói bật, hình tượng tuyệt, thức diệt, tình tiêu, vì thế Tổ sư nói: “Chỉ chứng mới biết, khó suy lường được”. *Luận Khởi Tín* nói:

“Từ Tịnh Tâm Địa đến Bồ-tát Cứu Kính Địa, người phát tâm chứng cảnh giới gì ? Đó là chân như”. Cho chuyên thức là cảnh giới nhưng sự chứng đắc này không có cảnh giới, chỉ có trí chân như gọi là pháp thân”.

Hỏi: Nội ngoại duy tâm là lý bình đẳng, tại sao thân độ chẳng đồng, nội thân hữu giác, ngoại cảnh vô tri ?

Đáp: Thế giới thân độ pháp nhĩ như thế, chẳng thể chấp là một, chấp là khác tự tính tình kiến.

Nếu nói pháp nhĩ tức là pháp vốn như thế, hoặc gọi là pháp tính; nếu là pháp tính thì lấy bản thức Như lai tạng thân làm nơi nương tựa luôn biến khởi các thế giới bên ngoài, chẳng ra ngoài hai nghĩa: một là pháp lý đáng như thế, hai là tạng thức biến khởi.

Lại nghiệp lực của chúng sinh vạn hạnh của Bồ-tát là nguyên nhân hiện ra thế giới, đều là tướng phần của tạng thức. Trong tướng phần này phân nửa là ngoại khí giới, phân nửa chẳng chấp thọ là nội thân vì chấp là tự tính sinh giác thọ. Như lai tạng thức vì sao duyên như thế ? Vì pháp như thế, vì hành nghiệp dẫn dắt. Trên đây tuy phân chấp thọ và chẳng chấp thọ, hai nghĩa này đều không có tự tính, toàn lấy Phật pháp giới như như nhất chân tâm làm thể; phải biết y là chính, chính là y, chẳng ra ngoài nhất tâm chân tính. Và lại, tính không gì chẳng bao trùm, hữu tình vô tình, hữu giác vô giác đều lấy tâm tính làm thể, tùy duyên phát hiện ứng xứ mới biết. Như thế gian cả đời lo việc cúng tế, có đức độ chân chính đối với dân được họ kính mến tiếc thương nghĩ đến nên lập đền thờ, đắp tượng để cúng kiến hậu hỷ thì người dân cũng được thiết đãi no say trong ngày tế lễ; cũng như Đình Lan chí hiếu khắc tượng gỗ, sớm hôm phụng dưỡng mẹ, theo sắc mặt vui buồn trên tượng gỗ mà biết được tâm lý người mẹ. Đất, gỗ không biến đổi mà chỉ là tâm cảm thôi!

Hỏi: Lập thức mới thành nghĩa duy thức, tại sao cảnh thức đều dẹp bỏ ?

Đáp: *Luận Hiện Thức* nói: “Lập duy thức là một, luôn luôn trừ cảnh lưu tâm; rốt ráo vì luận trừ cảnh là muốn không tâm, đây là ý

chính. Thế nên cảnh thức đều bật chính là thật tính, thật tính là thức A-ma-la”. Do đó, *luận Duy Thức* cũng gọi là *luận Phá Sắc Tâm*. *Luận Phật Tính* nói trong kinh Phật đem nhà ảo thuật làm ví dụ. Phật bảo ngài Ca-diếp: Ví như nhà ảo thuật biến hóa các hình tượng huyễn hóa như biến ra con cọp huyễn trở lại ăn thịt nhà ảo thuật. Nay Ca-diếp, Tỳ kheo quán sát như thế tùy quán một cảnh hiển hiện chỉ là không cho nên thật vô sở hữu rỗng không không chân thật làm sao có thể lìa được nhị biên; do nương nơi ý thức sinh duy thức thức trí. Duy thức trí là trí không có trần thể. Nếu duy thức trí thành tự thì có thể trở lại diệt tự bản ý thức. Vì sao ? Vì trần không có thể nên ý thức chẳng sinh; ý thức chẳng sinh nên duy thức tự diệt. Cho nên biết ý thức như nhà ảo thuật, duy thức trí như con cọp huyễn, vì ý thức hay sinh ra duy thức. Duy thức quán thành trở lại hay diệt ý thức, vì sao ? Do trần không nên ý thức chẳng sinh, ví như con cọp huyễn trở lại ăn thịt nhà ảo thuật. Pháp sư Đề-bà nói kệ:

*Ý thức, gốc ba cõi  
Thức trần là nguyên do  
Nếu thấy trần vô thể  
Chúng tử tự nhiên diệt.*

*Kinh Nhập Lăng-già* ghi: “Chỉ cần chẳng chấp lấy các cảnh gọi là thức diệt, thật ra chẳng diệt thức. Vì sao ? Vì cảnh vốn không, từ thức biến ra, vì thức vô thể nên chẳng cần diệt. Thế nên thức tâm vô thể tùy cảnh có không. Thấy không sinh không, thấy sắc sinh sắc việc đến liền khởi, việc đi liền không”. Pháp sư Truyền Áo nói: “Cảnh mà vọng niệm duyên là nơi hữu sắc thì chẳng thấy không; chỉ thấy nơi sắc và nơi vô sắc thì thấy không. Duyên hữu thời, vô thời cũng thế; duyên hữu thời thì thấy hữu tâm sinh, thấy vô tâm diệt; duyên vô thời thì thấy vô tâm sinh, thấy hữu tâm diệt, đây đều là cảnh của vọng niệm duyên. Lại trên sự vô sự, vốn toàn là tâm, niệm khởi trần sinh, niệm dứt trần diệt”.

Như *luận Khởi Tín* nói: “Bởi tất cả sắc pháp xưa nay là tâm thật sự không có ngoại sắc đã không có ngoại sắc cũng không có ngoại không, không còn là vô, sắc làm sao có?”

Luận nói: “Nếu vô sắc thì không có tướng hư không”. *Sớ Thích* nói: “Vốn lấy sự đối đãi sắc làm không; nay đã duy tâm không có sắc thì làm sao có được không”. Cho nên biết muôn pháp đều do đối đãi mà có, nếu vào Tông Cảnh tự nhiên các pháp tuyệt đãi, trở về bản chân tâm, vì thế luận nói: “Đó là tất cả cảnh giới duy tâm vọng khởi; nếu tâm lìa vọng động thì tất cả cảnh giới diệt, duy nhất chân tâm không nơi nào chẳng khắp”.

Hỏi: Người đời phần nhiều chấp hữu tình động tác có thức, vô tình chẳng động tác không thức; như hoa hướng dương xoay về phía mặt trời, cây chuối nghe tiếng sấm mà sinh ra, cây quýt được bón phân nên tươi tốt, sắt nhờ đá nam châm mà di chuyển, như men rượu sinh ra rượu, giấm, lửa thiêu đốt núi rừng. Những thứ này đều là vô tình làm sao động tác?

Đáp: Hữu tình vô tình đều có hai nghĩa: nếu hữu tình sinh tử: một là do nghiệp lực chúng sinh tạo ra, hai là pháp giới tính tự nhiên sinh. Nếu vô tình chuyên động: một là dị pháp tính tự như thế, hai là pháp tạo tác. *Kinh Đại Niết-bàn* ghi: “Phật bảo Bồ-tát Sư Tử Hống: Nay thiện nam, ông nói chúng sinh đều có Phật tính đặc Vô thượng Chính đẳng Chính giác như đá nam châm. Lành thay! Vì năng lực nhân duyên Phật tính nên đặc vô thượng Chính giác. Nếu nói chẳng cần tu Thánh đạo là không đúng. Nay thiện nam, ví như có người đi giữa đồng hoang khát nước gặp cái giếng, giếng này rất sâu tuy chẳng thấy nước mà biết chắc hẳn có nước. Người ấy lấy cái gàu thông dây xuống mức nước, Phật tính cũng thế. Tất cả chúng sinh tuy có Phật tính nhưng cần phải tu tập Thánh đạo vô lậu sau đó mới thấy Phật tính. Cho đến ví như chúng sinh tạo tác các nghiệp hoặc thiện hoặc ác, chẳng phải trong chẳng phải ngoài; nghiệp tính như thế chẳng có chẳng không, cũng chẳng phải xưa không nay có, chẳng phải không có nguyên do sinh ra, chẳng phải

đây làm đây thọ, đây làm kia thọ, kia làm kia thọ, không làm không thọ, thời tiết hòa hợp mà có quả báo. Phật tính của chúng sinh cũng như thế chẳng phải xưa không nay có, chẳng phải trong chẳng phải ngoài, chẳng phải có chẳng phải không, chẳng phải đây chẳng phải kia, chẳng phải chỗ khác đến, chẳng phải không có nhân duyên, cũng chẳng phải tất cả chúng sinh chẳng thấy. Có các vị Bồ-tát gặp thời tiết nhân duyên hòa hợp được thấy. Thời tiết nghĩa là Đại Bồ-tát Thập Trụ tu bát Thánh đạo, đối với chúng sinh được tâm bình đẳng, khi ấy được thấy, chẳng gọi là tạo tác. Nay thiện nam, ông nói như đá nam châm, nghĩa này chẳng đúng. Tại sao ? Vì không có tâm nghiệp. Nay thiện nam, dị pháp có nên dị pháp sinh ra, dị pháp không nên dị pháp diệt mất, không có người tạo tác, không có người làm hư hoại. Nay thiện nam cũng như lửa dữ chẳng thể thiêu đốt củi; lửa phát ra củi tổn hoại gọi là thiêu đốt củi. Nay thiện nam, ví như hoa hướng dương xoay về phía mặt trời, như vậy hoa hướng dương cũng không tâm cung kính, không thức, không nghiệp, do dị pháp nên tự xoay chuyển. Nay thiện nam, như cây chuối do tiếng sấm mà tăng trưởng, cây chuối không tai, không tâm ý thức, dị pháp có nên dị pháp tăng trưởng, dị pháp không nên dị pháp hoại diệt. Nay thiện nam, như cây A-thúc-ca người nữ chạm vào, cây liền trở hoa, cây này không tâm, cũng không giác xúc, dị pháp có nên dị pháp sinh ra, dị pháp không nên dị pháp hoại diệt. Nay thiện nam, như cây quýt được bón phân thì quả đầy cành, cây quýt này không tâm không xúc, dị pháp có nên dị pháp sinh ra, dị pháp không nên dị pháp hoại diệt. Nay thiện nam, như cây thạch lựu mọc trên gạch ngói, vươn thân cho ra quả chắc đầy cành, cây thạch lựu cũng không tâm xúc, dị pháp có nên dị pháp sinh, dị pháp không nên dị pháp hoại diệt. Nay thiện nam, đá nam châm hút sắt cũng như thế, dị pháp có nên dị pháp sinh ra, dị pháp không nên dị pháp hoại diệt. Phật tính của chúng sinh cũng như vậy, chẳng thể hút được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Nay thiện nam, vô minh chẳng thể hút lấy các hành, hành cũng chẳng

thể hút lấy thức. Có Phật không Phật pháp giới vẫn thường trụ cho nên biết các pháp vô tâm, trần trần vốn tịch, tịch mà thường chiếu, chiếu mà thường tịch; pháp vô tâm mà tùy duyên thành hoại, người vô tâm mà các hành lưu chuyển, như cây chuối nghe tiếng sấm, hoa hướng dương xoay về phía mặt trời. Vô minh chẳng nắm lấy các hành, hành chẳng hút lấy tâm thức thì pháp pháp chẳng đến nhau, pháp pháp chẳng biết nhau, pháp pháp chẳng đối đãi nhau, pháp pháp chẳng nương gá nhau, vì tính nó tự như thế, vì pháp là như vậy. Thế nên *kinh Kim Cang Tam-muội* nói: “Tâm chẳng sinh cảnh, cảnh chẳng sinh tâm. Vì sao ? Vì cảnh được thấy là do tâm thấy, tức là chẳng đến nhau”. *Kinh Hoa Nghiêm* có bài tụng;

*Các pháp không tác dụng*

*Cũng không có thể tính*

*Thế nên tất cả pháp*

*Thấy đều chẳng biết nhau*

Đây là chẳng biết nhau.

*Kinh Duy-ma* nói: “Tất cả pháp sinh diệt chẳng trụ như huyễn, như tia chớp”. Các pháp chẳng đối đãi nhau cho đến một niệm chẳng trụ. Đây là chẳng đối đãi nhau.

*Luận Bảo Tạng* nói: “Lửa chẳng chờ mặt trời để nóng, gió chẳng đợi mặt trăng để mát; đá cứng ở trong nước, trống trời tỏa ánh sáng, sáng tối tự thế, khô ướt cùng ở một chỗ; vật còn chẳng nương nhờ nhau huống chi là đạo?”. Đây là chẳng nương gá nhau.

Như lửa lấy nóng bức làm tính, gió lấy mát mẻ làm tính, đâu nương nhờ duyên khác. Trống trời là mặt trời thường tỏa ánh sáng chiếu soi khắp nơi, mặt trời mọc thì sáng, mặt trời lặn thì tối, đều là pháp nhĩ, chẳng liên quan đến sự tạo tác. Đá cứng ở trong nước nghĩa là đá tuy ở trong nước mà nước chẳng vào đá; tuy cùng ở một chỗ đá thì khô, nước thì ướt, cho nên biết pháp pháp nêu tông, trần trần tuyệt đãi thì chẳng phải nhân duyên cũng chẳng phải tự nhiên.

Hỏi: Trong giáo đã chủ trương duy nhất chân tâm, tại sao lại nói các pháp như huyễn ?

Đáp: Nhất cảnh là tâm, muôn pháp thế nào có ? Vì các thế không cố định nương nơi tâm khởi đều như huyễn hóa, rốt cuộc tịch diệt. *Kinh Bảo Tích* nói: “Bấy giờ, Thế Tôn bảo nhà ảo thuật: tất cả chúng sinh và các sự vật đều huyễn hóa, vì do nghiệp biến hóa ra; chúng Tỳ kheo cũng huyễn hóa, vì do pháp biến hóa ra; thân ta cũng huyễn hóa, vì do trí biến hóa ra; tam thiên đại thiên thế giới cũng huyễn hóa vì tất cả chúng sinh cùng biến hóa ra. Các pháp thấy đều huyễn hóa, vì nhân duyên hòa hợp biến hóa ra”.

Trong giáo nói tổng quát có mười dụ: như huyễn, như hóa, như mộng, như bóng, v.v... đây là mật ý của chư Phật, phá chúng sinh chấp tướng thế gian là thật, khởi lên thường kiến. Thế gian đều biết các pháp huyễn mộng v.v... là không thì chẳng tin nhân, pháp, tâm, cảnh v.v... như huyễn mộng cũng không. Do đó đem niềm tin hư dối phá niềm tin chân thật khiến cho niềm tin chân thật đồng với niềm tin hư dối; sau đó đốn ngộ chân tông bao trùm khắp nơi, trong tâm ngoài tâm quyết tịnh không thật pháp kiến lập.

*Luận Đại Trang Nghiêm* ghi: “Xưa kia ta từng nghe câu chuyện về một nhà ảo thuật có lòng tin mộ đạo đi đến núi Kỳ-xà-quật thiết hội cúng tăng; cúng dường xong ông ta biến cây thi-đà-la thành một cô gái rất xinh đẹp, rồi ở trước đại chúng, ông ta ôm ấp cô gái và cùng nhau hành dâm. Khi ấy, các Tỳ-kheo lấy làm bực bội khó chịu nói rằng: “Người này không biết hổ thẹn có hành vi bỉ ổi, nếu biết việc như vậy, chúng tôi không nhận sự cúng dường”. Khi nghe các Tỳ-kheo quở trách, ông ta liền lấy dao chặt cô gái ra từng khúc, móc mắt xẻo mũi, dùng mọi cách độc ác giết hại cô ấy. Các thầy Tỳ-kheo thấy thế lại càng phẫn nộ: “Chúng tôi nếu biết ông ta như thế thì thà uống thuốc độc chứ chẳng nhận đồ cúng dường của ông” (...) Bấy giờ, nhà ảo thuật liền giơ cây thi-đà-la lên chỉ cho chúng tăng, ông ta chấp tay bạch rằng: “Những gì tôi làm chính là cây này, trong cây ấy có cái gì để giết hại ? Vì muốn thân chúng tăng an ổn nên tôi thiết bày thức ăn uống, và cũng vì muốn khiến tâm chúng tăng an ổn nên tôi làm những trò huyễn hóa ấy mà thôi. Xin các

thầy Tỳ-kheo vui lòng nghe tôi nói. Trong kinh Đức Phật nói tất cả pháp đều huyền hóa, hôm nay tôi vì muốn chứng minh lời nói ấy mà bày các việc huyền hóa trên”.

Như thế, thân huyền này không có thọ mạng, biết rõ do nhà ảo thuật vận chuyển máy móc khiến nó nhìn liếc, cúi ngửa, đi đứng, nói cười. Do việc ấy nên biết rõ thân này thật sự vô ngã.

*Kinh Hoa Nghiêm có bài tụng;*

*Các pháp trên thế gian  
Tất cả đều như huyền  
Nếu hay biết như thế  
Tâm không còn vọng động  
Các nghiệp từ tâm sinh  
Nên nói tâm như huyền  
Nếu lìa sự phân biệt  
Diệt hết tất cả loài  
Ví như nhà ảo thuật  
Biến hóa các sắc tượng  
Khiến mọi người ưa thích  
Rốt cuộc không có thật  
Thế gian cũng như thế  
Tất cả đều như huyền  
Vô tính cũng vô sinh  
Thị hiện có các thứ  
Độ thoát các chúng sinh  
Khiến biết pháp như huyền  
Chúng sinh chẳng khác huyền  
Rõ huyền không chúng sinh  
Chúng sinh và cõi nước  
Tất cả pháp ba đời  
Như thế đều không sót  
Tất cả đều như huyền  
Biến hóa hình nam nữ*

*Cùng voi ngựa trâu dê  
Nhà cửa và ao suối  
Vườn tược và hoa quả  
Vật huyền không giác tri  
Cũng không có chỗ trụ  
Rốt ráo tướng tịch diệt  
Chỉ theo phân biệt hiện  
Bồ-tát hay như thế  
Thấy khắp các thế gian  
Tất cả pháp có không  
Biết rõ đều như huyền.  
Chúng sinh và cõi nước  
Các nghiệp đã tạo ra  
Vào nơi bờ như huyền  
Nơi ấy không chấp trước  
Như thế được thiện xảo  
Tịch diệt không hý luận  
Trụ nơi đất vô ngại  
Khắp hiện oai lực lớn.*

Trong phẩm Nhập Pháp Giới, đồng tử và đồng nữ bảo Thiện Tài: “Này thiện nam, chúng tôi chứng được Bồ-tát giải thoát gọi là huyền trụ, do vì được sự giải thoát này nên thấy tất các thế giới đều huyền trụ, vì do nhân duyên sinh ra; tất cả chúng sinh đều huyền trụ, vì do nghiệp phiền não khởi; tất cả thế gian đều huyền trụ, vì vô minh, hữu, ái, v.v... xoay vần duyên sinh; tất cả pháp đều huyền trụ, vì do các thứ huyền duyên sinh; tất cả tam thế đều huyền trụ, vì do trí điên đảo sinh; tất cả sự sinh diệt, lão tử, ưu bi, khổ não của chúng sinh đều huyền trụ, vì do hư vọng phân biệt sinh; tất cả cõi nước đều huyền trụ vì do tướng đảo, tâm đảo, kiến đảo, vô minh hiện ra; tất cả Thanh văn, Bích-chi Phật đều huyền trụ, vì do trí đoạn phân biệt làm thành; tất cả Bồ-tát đều huyền trụ, vì hay tự điều phục, giáo hóa chúng sinh, các pháp hạnh nguyện làm thành;

tất cả những việc làm như biến hóa, điều phục của chúng hội Bồ-tát đều huyền trụ, vì nguyện trí huyền hóa làm thành. Nay thiện nam, tự tính của cảnh huyền chẳng thể nghĩ bàn”.

*Kinh Đại Tập* có bài kệ:

*Pháp giới Như Lai không sai biệt  
Vì người độn căn nói khác biệt  
Tuyên nói một pháp là vô lượng  
Như nhà ảo thuật bày trò huyền.*

*Thanh Lương Sớ* giải thích: “Như huyền nhãn nghĩa là như một chiếc khăn biến làm con voi”.

*Kinh Lăng-già* nói: “Trí chẳng đắc hữu vô mà khởi tâm đại bi”. Do biết rõ thể không chẳng hoại mà có tướng huyền sai biệt, nên như voi sống chính là voi chết. Hai đôi này ứng làm bốn câu, nghĩa là hai thứ này chẳng hai nên phi dị; không chẳng hai nên phi nhất; phi nhất tức phi dị nên chẳng phải phi nhất; phi dị tức phi nhất nên chẳng phải phi dị; cũng tuyệt song chiếu nên chẳng phải cũng nhất cũng dị. Nếu đem hai nghĩa trên chiếc khăn đối với hai nghĩa trên con voi để biện phi nhất dị thì đại lược có mười trường hợp:

1- Đem cái nghĩa con voi do chiếc khăn biến thành đối với nghĩa sai biệt trên con voi hợp làm một gọi là bất dị; đây là đem gốc theo ngọn, y cứ ngọn nói bất dị. Kinh nói: “Pháp thân lưu chuyển trong năm đường gọi là chúng sinh; Như Lai tạng thọ khổ vui cùng chung với nhân hoặc sinh, hoặc diệt v.v...”

2- Đem nghĩa trụ tự vị trên chiếc khăn cùng với nghĩa thể không trên con voi làm một gọi là bất dị, đây là đem ngọn về gốc, y cứ gốc nói bất dị. Kinh nói: “Tất cả chúng sinh là như, chẳng còn diệt nữa v.v...”

3- Nhiếp ngọn trở về gốc, nhiếp gốc từ nơi ngọn; hai thứ này dung thông vô ngại bất dị; đây là gốc ngọn bình đẳng là bất dị, vì hai đoạn kinh văn trước chẳng lìa nhau.

4- Đem ngọn bị nhiếp trở về gốc cùng với gốc bị nhiếp theo ngọn; hai thứ này đoạt nhau nên gọi là bất dị. Đây là gốc ngọn cùng mất nên nói bất dị, vì chân vọng bình đẳng, sai biệt không thật có.

Bốn trường hợp dưới đây nói về phi nhất:

1- Đem nghĩa trụ tự vị của chiếc khăn và nghĩa sai biệt trên con voi; hai thứ này gốc ngọn trái nghịch nhau nên gọi là phi nhất. *Kinh Lăng-già* nói: “Nhu lai tạng chẳng ở trong A-lại-da”. Thế nên, bảy thức có sinh diệt, Nhu lai tạng chẳng sinh diệt.

2- Nghĩa thành con voi từ chiếc khăn và nghĩa thể không trên con voi, hai thứ này gốc ngọn trái nhau, phản hại nhau nên phi nhất. *Kinh Thắng Man* nói: “Bảy thức chẳng lưu chuyển, chẳng thọ khổ vui, chẳng phải là nhân niết-bàn, chỉ có Nhu Lai tạng thọ khổ vui ...

3- Do trái nghịch nhau và phản hại nhau, hai nghĩa này khác biệt nên gọi là phi nhất, nghĩa là trái nghịch nhau thì đều trái bỏ nhau cách xa nhau; phản hại nhau thì đối địch nhau, xâm hại nhau, cho nên gần xa chẳng phải một, vì kinh văn trước chẳng lẫn lộn nhau.

4- Vì hại nhau cùng tột đều mất mà chẳng mất, và trái nghịch nhau cùng tột đều còn mà chẳng còn; nghĩa chẳng còn chẳng mất là phi nhất, đây là thành hoại chẳng phải một; vì bảy thức tức không mà là có, chân như tức ẩn mà là hiển.

5- Bốn trường hợp phi nhất cùng bốn trường hợp phi dị ở trên cũng phi nhất, vì nghĩa chẳng lẫn lộn. Lại trái nhau là còn, hại nhau là mất; nhưng trên còn có nghĩa chẳng còn, trên mất có nghĩa chẳng mất. Nếu chỉ có mất mà không có chẳng mất thì sắc không đều không, không thể tương tức, vì chẳng hoàn toàn mất, tuy tương tức mà sắc không rõ ràng. Nếu chỉ có còn mà không có chẳng còn thì sắc không đều có, tính cố định chẳng được tương tức, vì có chẳng còn, tuy rõ ràng mà được tương tức, vì thể hư dối.

6- Bốn trường hợp phi nhất cùng với bốn trường hợp phi dị ở trên cũng phi dị, vì lý bao gồm khắp cả, vì pháp không hai.

Nếu đem môn phi dị năm lấy các môn thì sẽ hòa hội cùng tốt; nếu đem môn phi nhất năm lấy các môn thì sẽ nghịch hại nhau cùng tốt. Nghịch cùng tốt và thuận cùng tốt là pháp không chương ngại.

Giải thích:

Nói về nghĩa lý trong đó có hai: trước thành hữu vô, sau thành bốn trường hợp. Nói về hữu vô, vì trong ba tính đều có hai nghĩa hữu vô. Tính viên thành có hai: một là tính có, hai là tính không. Tính y tha có hai: một là duyên có, hai là tướng không. Tính biến kế có hai: một là tình có, hai là lý không.

1- Nay trong chiếc khăn là hai nghĩa của viên thành, thuật mã là hai nghĩa của y tha, thuật mã là nhân năng thành, nương chân mà khởi nên dụng có mà thể không; dụng có tức là duyên có, thể không tức là tính không.

2- Ngựa là quả được thành nên tướng có mà thực không; tướng có tức là duyên có, thật không tức là tính không.

3- Rõ y tha, viên thành chẳng lìa tức sự đồng với chân; sinh dụ cho sự, tử dụ cho chân. Sự bất lý hiển nên sinh không tự có. Do vô ngại nên ra ngoài nguyên nhân của nó thì sự lý vô ngại.

4- Theo tình thì có, vì vọng thấy phân biệt; theo lý thì không, vì là vọng chấp hẳn chẳng phải có.

Do đó, huyền dụ để nói về hữu vô, vì mê tình che kín nên hữu vô đều sai, vì lý không mê chấp nên hữu vô đều chân, đây là biết huyền dụ cho các pháp phi thật, phi hư, phi không, phi hữu. Nếu vô nơi hữu thì chẳng thành vô; nếu vô nơi vô thì chẳng thành hữu. Hữu vô xen suốt, vạn vật dung thông.

Lại trong năm phần dưới đều đủ bốn trường hợp, trong bốn trường hợp ấy có hai thứ: ban đầu là một lớp bốn trường hợp, sau cùng là lớp lớp bốn trường hợp.

Lớp ban đầu lại có hai: trước là chính hiển, sau là lược bỏ sai quấy.

1- Tính có tướng không gồm bốn trường hợp:

a- Có, vì chân tính có.

b- Không, vì không các tướng;

c- Cũng có cũng không, vì nghĩa môn khác biệt.

d- Chẳng phải có chẳng phải không, vì dung đoạt nhau.

2- Dụng có thể không, gồm bốn trường hợp:

a- Có, vì mê chân có dụng.

b- Không, vì nương chân không thể.

c- Cũng có cũng không, vì thể dụng chẳng hoại,

d- Chẳng phải có chẳng phải không, vì dụng không thể nên chẳng phải có; thể tức dụng nên chẳng phải không.

3- Tướng có thật không gồm bốn trường hợp:

a- Có, vì sự tướng hiện.

b- Không, vì duyên thành không thật,

c- Đều phải, vì vô tính chẳng ngại duyên thành, duyên thành chẳng ngại vô tính.

d- Đều chẳng phải, vì duyên thành là vô tính nên chẳng phải có; vì vô tính là duyên thành nên chẳng phải không.

4- Sinh không, tử có gồm bốn trường hợp:

a- Vì chân tính hiển bày.

b- Vì y tha là vô tính,

c- Vì tính tướng cùng tồn tại,

d- Vì tính tướng tức đoạt.

5- Tình có lý không gồm bốn trường hợp;

a- Vì biến kế vọng tình hay chiêu vời sinh tử.

b- Vì tức lý mà tìm cầu không được,

c- Lý không thì tình có; nếu không có tình có thì chẳng hiển lý không.

d- Tình có thì lý không, lý không thì tình có.

Bốn trường hợp trên đều đầy đủ các đức, vì xứng chân, chẳng giống như tình kế định chấp bốn trường hợp trở thành phi báng. Không của tức hữu mới là không của đầy đủ các đức; hữu của tức không mới là hữu của đầy đủ các đức. Lại không của tận hữu, hữu

của tận không mới là đầy đủ các đức. Lại bốn trường hợp cùng chiếu soi trở thành cảnh hiểu biết, bốn trường hợp cùng bật dứt trở thành cảnh thực hành đều là quên lời, bật nghĩ mới là đầy đủ các đức. Do đó người xưa nói: “Vu Sơn nương mây bay lên đài cao, Thu Cô men theo bờ sông dòng suối trở về, cho nên biết thân bọt bèo chẳng có, tâm như huyễn vốn không thì đâu thể có được dục tình mà thành sự thật. Lại như Trang Chu đạt thể hư như huyễn, thấy thân mình là con bướm, và trong chiêm bao tự thấy mình đi dạo cõi trời”. Thế nên phàm phu mê muội, không có mắt tuệ vọng chấp tiền trần, các tướng nam nữ như pháp huyễn hóa, dối trá không thật, đều là do nghiệp thức tâm động, khởi kiến hiện tướng, ý thức phân biệt, gượng lập ngã nhân, tự tha sai biệt. Nếu có thể biết huyễn mới rõ lầm lỗi trước kia, hẳn không thể ở nơi không mà phát sinh sự tạo tác.

Lại đối với pháp huyễn hóa này nhiều người hiểu chấp tất cả pháp như huyễn như hóa, bèn khởi kiến chấp không vô, như ngoại đạo Phương Quảng lập tông Không vô vi, vì chẳng biết thật nghĩa.

*Luận Hoa Nghiêm* nói: “Biết rõ pháp như huyễn là nghĩa kiên cố. Kiên cố chính là nghĩa thường trụ, đâu thể khởi kiến giải không vô, nên biết huyễn này tức chân, huyễn không thật có; huyễn của vô huyễn gọi là pháp huyễn; cái thấy của tuyệt kiến giải gọi là thấy huyễn”.

Hỏi: Các pháp hư dối đều không có tự tính biến đổi từng sát-na nên gọi là huyễn, thân Phật thường trụ làm sao gọi là huyễn ?

Đáp: Đại khái chư Phật có hai thân: một là thân chân thật, hai là thân phương tiện. Vì chúng sinh chẳng thấy thân chân thật của Như Lai nên thị hiện thân phương tiện khiến họ vào nơi chân thật. Khi ngộ nhập thì thân phương tiện là thể thường trụ, vì rõ huyễn hoá không có thật. Như ngài Ương-quật-ma-la là Nhất Thiết Bảo Trang Nghiêm Quốc Nhất Thiết Thế Gian Nhạo Kiến Thượng Đại Tinh Tấn Phật, vì năng lực bản nguyện vào môn lưới huyễn, thị hiện

đồng phạm phu cũng làm việc sát hại, về sau gặp Phật ngộ đạo, ác nghiệp liền tiêu trừ khiến cho tất cả chúng sinh đắc đạo; nghiệp dứt chẳng sinh tà chấp, đều làm cho họ ngưỡng mộ Phật pháp bất tư nghi có uy lực lớn. Vì thế kinh Ương-quạt-ma-la có bài kệ:

*Điều Như Lai biến hóa  
Chúng sinh đều chẳng biết  
Huyễn hóa Như Lai tạo  
Là vua trong các huyễn  
Đại thân, phương tiện thân  
Đây chính là Như Lai.*

Hỏi: Tất cả pháp như huyễn tại sao có cấu tịnh năng sở đối trị ?

Đáp: Chỉ vì như huyễn nên cấu tịnh bất định, do tâm hồi chuyển nên có pháp phạm Thánh. *Kinh Tư Ích* nói: “Pháp cấu nói tịnh, vì thấy thật tính của cấu; pháp tịnh nói cấu vì tham đắm tướng tịnh”.

*Trang Nghiêm Kinh Luận* ghi: “Hỏi: Nếu các pháp đồng như huyễn, do nghĩa gì một là năng trị, một là sở trị ? Kệ đáp:

*Như vua huyễn hùng mạnh  
Khiến vua huyễn khác lui  
Như vậy pháp thanh tịnh  
Khiến cho pháp nhiễm hết.*

Giải thích;

Pháp tịnh năng trị cũng như vua huyễn, do hay đối trị pháp nhiễm mà được tăng thượng; pháp nhiễm sở trị ấy cũng như vua huyễn, do đối với cảnh giới được tăng thượng. Như vậy pháp thanh tịnh có thể là do pháp nhiễm hết, nghĩa là như vua huyễn có sức mạnh có thể làm cho vua huyễn khác thoái lui, vì pháp nhiễm tịnh đều có sức tăng thượng tự tại chuyển tùy theo cảnh nên gọi là vua. Do đó *kinh Viên Giác* ghi: “Bấy giờ Thế Tôn bảo Bồ-tát Phổ Nhãn: Này thiện nam, Bồ-tát mới học và chúng sinh đời mạt pháp muốn cầu tâm viên giác của Như Lai cần phải chính niệm xa lìa các huyễn,

trước hết y theo hạnh xa-ma-tha của Như Lai, giữ gìn cấm giới, ở yên nơi đồ chúng, ngồi trong tịnh thất luôn nghĩ rằng: Thân tôi do bốn đại hòa hợp, đó là tóc, lông, móng, răng, da, thịt, gân, xương, tủy, não đều thuộc về địa đại; nước mắt, nước mũi, mồ hôi, đàm, tinh khí, đại tiện, tiểu tiện đều thuộc về thủy đại; hơi nóng thuộc về hỏa đại, chuyển động thuộc về phong đại. Nếu bốn đại lìa nhau, thân hư dối này sẽ ở chỗ nào; như thế biết thân này rất ráo vô thể, lấy sự hòa hợp làm tướng, đồng với huyền hóa. Bốn duyên giả hợp, vọng có sáu căn; sáu căn bốn đại trong ngoài hợp thành, vọng có duyên khí tích tụ trong đó, dường như có duyên tướng tạm gọi là tâm.

Này thiện nam, tâm hư vọng này nếu không, sáu trần chẳng thể có, bốn đại tan rã không có một trần để được, trong đó duyên trần đều trở về tan diệt, rất ráo không có duyên tâm để thấy.

Này thiện nam, vì thân huyền của chúng sinh diệt nên tâm huyền cũng diệt; tâm huyền diệt nên trần huyền cũng diệt, trần huyền diệt nên huyền diệt cũng diệt, huyền diệt diệt nên phi huyền chẳng diệt, ví như lau gương bụi như hết ánh sáng hiện.

Này thiện nam, nên biết thân tâm đều là huyền cấu, tướng cấu dứt sạch mười phương thanh tịnh. Này thiện nam, ví như hạt châu ma-ni ánh hiện ngũ sắc, tùy phương đều hiện, người ngu si thấy ma-ni thật có năm sắc. Này thiện nam, tính viên giác thanh tịnh hiện nơi thân tâm tùy loại ứng hiện, những người ngu si nói viên giác thanh tịnh thật có như thế, tự tướng của thân tâm cũng như vậy, vì thế chẳng thể xa lìa huyền hóa.

Giải thích:

Trong hạt châu không có sắc ngũ phương, nhờ ánh sáng ánh hiện; trong tính không không có thân của năm đường (ngũ thú), tùy nghiệp mà hiện. Mê chân là chấp trong hạt châu có thật sắc, muội tính là chấp trong tính có thân hư dối. Pháp dụ rõ ràng, chân ngụy có thể kiểm nghiệm.

-----